

BẢNG ĐIỂM KỶ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 07/6/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB8775	Phan Thái	An	26/02/2004	Đắk Lắk	9,0	9,0	Đạt	
2	BKCB8776	Trần Lê Phúc	An	25/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	
3	BKCB8777	Trần Thu	An	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,83	Đạt	
4	BKCB8778	Trần Hòa	Ân	22/11/2002	Thành phố Đồng Nai	10,0	8,67	Đạt	
5	BKCB8779	Trần Thị Mỹ	Ân	15/10/2004	Đắk Lắk	10,0	9,33	Đạt	
6	BKCB8780	Giáp Thị Phương	Anh	29/11/2006	Tây Ninh	9,0	9,0	Đạt	
7	BKCB8781	Lê Đức	Anh	25/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	
8	BKCB8782	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/05/2004	Nghệ An	8,0	6,0	Đạt	
9	BKCB8783	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/01/2003	Đắk Lắk	5,0	6,5	Đạt	
10	BKCB8784	Trương Thái Cát	Anh	17/08/1998	Thành phố Đồng Nai	9,67	9,33	Đạt	
11	BKCB8785	Ngô Châu Quốc	Bừu	06/11/2004	Vĩnh Long	9,0	6,33	Đạt	
12	BKCB8786	Lý Trọng Bảo	Châu	26/09/2003	Đắk Lắk	7,67	9,17	Đạt	
13	BKCB8787	Nguyễn Thiện Hoàng	Châu	28/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,33	Đạt	
14	BKCB8788	Huỳnh Ngọc	Chương	07/01/2002	Quảng Ngãi	8,33	9,0	Đạt	
15	BKCB8789	Lê Hữu	Đặng	04/11/1994	Vĩnh Long	8,67	6,33	Đạt	
16	BKCB8790	Nguyễn Thị Minh	Diệp	09/05/2006	Hà Nội	9,0	9,0	Đạt	
17	BKCB8791	Huỳnh Lâm	Đồng	31/07/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,67	Đạt	
18	BKCB8792	Trần Thị Thuỳ	Dung	13/07/2003	Đồng Tháp				Vắng
19	BKCB8793	Hoàng Thái	Dương	30/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,17	Đạt	
20	BKCB8794	Đặng Từ Nhựt	Duy	22/07/2004	Thành phố Cần Thơ	8,33	9,33	Đạt	
21	BKCB8795	Nguyễn Đoàn	Duy	13/01/1990	Tây Ninh	9,0	7,33	Đạt	
22	BKCB8796	Nguyễn Đức	Duy	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
23	BKCB8797	Nguyễn Hoàng	Duy	20/05/2005	Long An	4,33	4,33	Không đạt	
24	BKCB8798	Nguyễn Vương Thanh	Duy	27/06/2004	Đồng Tháp	6,67	6,67	Đạt	
25	BKCB8799	Thái Quốc	Duy	04/03/2003	Thành phố Cần Thơ	8,33	7,5	Đạt	
26	BKCB8800	Tô Thanh	Duy	25/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
27	BKCB8801	Lâm Mỹ	Duyên	01/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,83	Đạt	
28	BKCB8802	Lê Trần Mỹ	Duyên	15/10/2004	Hải Phòng	9,33	8,33	Đạt	
29	BKCB8803	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/05/2005	Thành phố Huế	7,0	6,67	Đạt	
30	BKCB8804	Ngô Hồng	Gấm	13/06/2000	Tây Ninh	8,0	7,33	Đạt	
31	BKCB8805	Đào Lý Thiên	Hà	23/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
32	BKCB8806	Trương Công	Hậu	04/06/2002	Đồng Tháp	8,67	9,0	Đạt	
33	BKCB8807	Bùi Cẩm Thảo	Hiền	02/01/2003	Lâm Đồng	7,67	8,0	Đạt	
34	BKCB8808	Hoàng Thị Thanh	Hiền	06/11/2003	Đắk Lắk				Vắng
35	BKCB8809	Lục Văn	Hiếu	14/04/2002	Tây Ninh	7,0	9,0	Đạt	
36	BKCB8810	Lê Văn	Hiếu	22/05/2003	Thành phố Huế	9,33	9,33	Đạt	
37	BKCB8811	Huỳnh Hiền	Hoà	02/05/2004	Tây Ninh	9,33	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB8812	Trần Thị	Hoa	22/06/1978	Hà Nam	7,33	5,33	Đạt	
39	BKCB8813	Lưu Thị Kim	Hồng	24/10/2003	Đồng Tháp	8,67	6,33	Đạt	
40	BKCB8814	Vũ Thị Ánh	Hồng	10/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
41	BKCB8815	Vũ Thị Minh	Huệ	25/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
42	BKCB8816	Nguyễn Tiến	Hưng	23/06/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh	9,0	8,67	Đạt	
43	BKCB8817	Phạm Thành	Hưng	02/08/2005	Khánh Hòa	8,33	7,83	Đạt	
44	BKCB8818	Hoàng Thị	Hương	16/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,33	Đạt	
45	BKCB8819	Lê Nguyễn Quốc	Huy	22/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	9,0	Đạt	
46	BKCB8820	Nguyễn Nhất	Huy	08/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,33	Đạt	
47	BKCB8821	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	13/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,67	Đạt	
48	BKCB8822	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	03/04/2004	Tây Ninh				Vắng
49	BKCB8823	Nguyễn Đức	Khá	23/07/2004	An Giang	9,67	8,33	Đạt	
50	BKCB8824	Nguyễn Phương Vĩ	Khang	18/06/2004	Đồng Tháp	6,33	7,83	Đạt	
51	BKCB8825	Nguyễn Trần	Khiêm	14/07/2002	Đồng Tháp	7,67	7,67	Đạt	
52	BKCB8826	Hồ Thị Thuý	Kiều	26/08/2006	Quảng Ngãi	10,0	9,33	Đạt	
53	BKCB8827	Huỳnh Thị Hương	Lài	03/03/1998	Tây Ninh	9,0	9,0	Đạt	
54	BKCB8828	Hứa Hải	Lâm	03/03/2004	Đồng Tháp	5,33	5,67	Đạt	
55	BKCB8829	Dương Kiều	Linh	22/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
56	BKCB8830	Lê Phạm Phương	Linh	13/10/2003	Tây Ninh	9,67	9,33	Đạt	
57	BKCB8831	Trần Mỹ	Linh	14/09/1981	Thái Nguyên	7,0	8,0	Đạt	
58	BKCB8832	Nguyễn Thị Thùy	Linh	19/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,0	Đạt	
59	BKCB8833	Châu Tấn	Lộc	07/01/2004	Nghệ An				Vắng
60	BKCB8834	Nguyễn Khánh	Ly	29/07/2006	Quảng Ngãi	9,0	8,0	Đạt	
61	BKCB8835	Bùi Kiều	Mi	27/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,17	Đạt	
62	BKCB8836	Phan Trần Nhật	Minh	29/12/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,17	Đạt	
63	BKCB8837	Lê Nguyễn Khánh	My	21/12/2004	Bình Phước	7,33	8,0	Đạt	
64	BKCB8838	Lê Thị Trà	My	27/04/1991	Nghệ An	6,0	7,83	Đạt	
65	BKCB8839	Nguyễn Xuân	Mỹ	04/03/1994	Gia Lai	9,33	9,0	Đạt	
66	BKCB8840	Hồ Thị Kiều	Nga	20/05/2004	Gia Lai	7,67	8,5	Đạt	
67	BKCB8841	Bùi Tuyết	Ngân	12/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,17	Đạt	
68	BKCB8842	Lê Kim	Ngân	08/07/2004	Đồng Tháp	8,0	7,33	Đạt	
69	BKCB8843	Nguyễn Thị Bích	Ngân	12/03/2006	Đắk Lắk	9,0	8,5	Đạt	
70	BKCB8844	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	26/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
71	BKCB8845	Lê Thị Ngọc Kim	Ngân	18/02/2004	Bạc Liêu	7,67	6,83	Đạt	
72	BKCB8846	Đinh Thị Gia	Nghi	24/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	Đạt	
73	BKCB8847	Bùi Hoài	Ngọc	01/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
74	BKCB8848	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	21/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
75	BKCB8849	Trần Thị Kim	Ngọc	22/04/2004	Thành phố Đồng Nai				Vắng
76	BKCB8850	Mai Nguyễn Phương	Nguyên	12/01/1996	Thanh Hóa	5,0	8,67	Đạt	
77	BKCB8851	Nguyễn Huỳnh Phương	Nguyên	19/04/2001	Lâm Đồng	9,33	9,0	Đạt	
78	BKCB8852	Trần Công	Nguyên	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
79	BKCB8853	Lê Kim	Nguyễn	29/11/1992	Sóc Trăng	8,67	8,83	Đạt	
80	BKCB8854	Lê Trần Bảo	Nguyễn	16/01/2006	Thành phố Đà Nẵng	8,67	8,83	Đạt	
81	BKCB8855	Dương Thanh	Nhã	19/10/2004	An Giang	9,33	8,83	Đạt	
82	BKCB8856	Nguyễn Hoài	Nhân	06/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,5	Đạt	
83	BKCB8857	Nguyễn Thành	Nhân	21/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,33	Đạt	
84	BKCB8858	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	11/07/2003	Lâm Đồng	8,33	7,0	Đạt	
85	BKCB8859	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/04/2003	Tây Ninh	9,0	5,83	Đạt	
86	BKCB8860	Nguyễn Tố	Nhi	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,17	Đạt	
87	BKCB8861	Cao Hồng	Nhi	20/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
88	BKCB8862	Đào Thanh Uyên	Như	06/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
89	BKCB8863	Nguyễn Hà	Như	16/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,33	Đạt	
90	BKCB8864	Trần Thị Huỳnh	Như	11/04/1999	Đồng Tháp	9,67	9,33	Đạt	
91	BKCB8865	Trần Thị Tâm	Như	09/02/2004	Vĩnh Long	10,0	7,0	Đạt	
92	BKCB8866	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,17	Đạt	
93	BKCB8867	Lưu Nữ Ngọc	Ni	28/10/2001	Khánh Hoà	9,33	8,67	Đạt	
94	BKCB8868	Lê Thị Ngọc	Nữ	01/02/2004	Bình Định	8,67	7,17	Đạt	
95	BKCB8869	Vậy Cảnh	Phát	15/10/2003	Thành phố Đồng Nai	10,0	8,67	Đạt	
96	BKCB8870	Lê Vũ	Phúc	07/02/1990	Khánh Hòa	8,0	9,33	Đạt	
97	BKCB8871	Nguyễn Tài	Phúc	18/08/1999	Tây Ninh	7,33	8,5	Đạt	
98	BKCB8872	Phù Thy Thiên	Phúc	20/03/2004	Kiên Giang	10,0	9,5	Đạt	
99	BKCB8873	Nguyễn Hoàn	Phúc	27/09/2004	Khánh Hòa	5,0	8,33	Đạt	
100	BKCB8874	Liêu Minh	Phước	25/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,83	Đạt	
101	BKCB8875	Lưu Thanh	Phương	03/07/2000	Đắk Lắk	6,67	8,67	Đạt	
102	BKCB8876	Trần Nguyên	Phương	30/03/2005	Bình Phước	6,67	8,0	Đạt	
103	BKCB8877	Huỳnh Văn	Quân	02/01/2005	Thành phố Đà Nẵng	10,0	6,0	Đạt	
104	BKCB8878	Trần Hoàng Anh	Quân	02/01/2007	Nam Định	8,33	8,17	Đạt	
105	BKCB8879	Bành Diễm	Quyên	24/06/1997	Gia Lai	9,67	9,17	Đạt	
106	BKCB8880	Nguyễn Hoàng	Quyên	11/11/2004	Long An	9,67	8,5	Đạt	
107	BKCB8881	Trần Huy	Quỳnh	17/03/1986	Tuyên Quang	7,67	8,5	Đạt	
108	BKCB8882	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/04/2004	Đồng Tháp	9,67	8,83	Đạt	
109	BKCB8883	Trương Thiên	Tài	13/09/2000	Khánh Hòa	9,67	9,33	Đạt	
110	BKCB8884	Nguyễn Thái Công	Tâm	10/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,33	Đạt	
111	BKCB8885	Lê Thị Thanh	Thanh	01/03/2006	Thành phố Đồng Nai	8,67	9,33	Đạt	
112	BKCB8886	Phạm Thị	Thanh	29/11/2004	Ninh Bình	8,33	9,0	Đạt	
113	BKCB8887	Nguyễn Tiến	Thành	02/12/1991	Gia Lai	7,67	9,17	Đạt	
114	BKCB8888	Nguyễn Tiến	Thành	06/10/1992	Hà Tĩnh	9,67	9,33	Đạt	
115	BKCB8889	Võ Thị	Thanh	13/04/2004	Bạc Liêu	9,0	8,67	Đạt	
116	BKCB8890	Bùi Thị Châu	Thảo	29/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,67	Đạt	
117	BKCB8891	Huỳnh Trường Nguyên	Thảo	21/08/2003	Thành phố Đồng Nai	9,0	9,0	Đạt	
118	BKCB8892	Trần Thị Kim	Thoại	17/01/2000	Tây Ninh	8,67	8,17	Đạt	
119	BKCB8893	Nguyễn Anh	Thuận	06/11/2004	Thành phố Cần Thơ	7,0	7,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
120	BKCB8894	Bùi Thị Thanh	Thương	06/06/2006	Quảng Ngãi	10,0	9,33	Đạt	
121	BKCB8895	Lê Thị Hoài	Thương	05/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	9,0	Đạt	
122	BKCB8896	Phạm Nguyễn Diệu	Thủy	30/11/1997	An Giang	9,67	8,83	Đạt	
123	BKCB8897	Nguyễn Thị Thu	Thủy	25/03/2006	Thành phố Đồng Nai				Vắng
124	BKCB8898	Phạm Thị Mỹ	Tiên	26/11/2003	Thành phố Đà Nẵng	8,0	9,0	Đạt	
125	BKCB8899	Huỳnh Tấn	Tiến	27/08/1997	Thành phố Đà Nẵng	10,0	7,83	Đạt	
126	BKCB8900	Nguyễn Trung	Tính	17/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,33	Đạt	
127	BKCB8901	Phạm Ngọc	Toàn	08/08/2005	Đắk Lắk	10,0	9,0	Đạt	
128	BKCB8902	Trần Đăng Thanh	Trà	17/07/1995	Tây Ninh	7,0	9,17	Đạt	
129	BKCB8903	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	15/09/2004	Tây Ninh	8,67	8,83	Đạt	
130	BKCB8904	Nguyễn Như	Trang	15/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,33	Đạt	
131	BKCB8905	Nguyễn Thị Phương	Trang	16/08/2006	Khánh Hòa	7,67	8,17	Đạt	
132	BKCB8906	Nguyễn Thị Thảo	Trang	21/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
133	BKCB8907	Trương Quốc	Triều	19/12/2005	Lâm Đồng	9,0	9,0	Đạt	
134	BKCB8908	Đặng Đức	Trọng	12/07/2007	Vĩnh Long	6,67	5,33	Đạt	
135	BKCB8909	Nguyễn Hữu	Trọng	06/10/2006	An Giang	9,33	8,33	Đạt	
136	BKCB8910	Trần Thị Cẩm	Tú	14/11/2003	Đồng Tháp	9,0	7,0	Đạt	
137	BKCB8911	Trần Minh	Tuệ	31/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,67	Đạt	
138	BKCB8912	Phạm Minh	Tùng	15/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,33	Đạt	
139	BKCB8913	Cao Thục	Uyên	28/10/2004	Nghệ An	9,33	8,83	Đạt	
140	BKCB8914	Trần Thị Vân	Uyên	17/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,17	Đạt	
141	BKCB8915	Nguyễn Thị Thảo	Vân	03/05/2004	Hải Dương	6,0	7,33	Đạt	
142	BKCB8916	Đặng Thị Tường	Vi	07/09/2006	Lâm Đồng	9,33	9,0	Đạt	
143	BKCB8917	Phạm Thị Tường	Vi	21/07/2004	Bình Phước	7,0	6,0	Đạt	
144	BKCB8918	Trần Thúy	Vi	14/04/2003	Bình Thuận	9,67	8,67	Đạt	
145	BKCB8919	Đỗ Công	Vinh	23/06/2004	Trà Vinh	8,67	8,0	Đạt	
146	BKCB8920	Nguyễn Thị Thanh	Vy	05/05/2004	Khánh Hòa	8,0	8,5	Đạt	
147	BKCB8921	Nguyễn Trần Thảo	Vy	22/07/2004	Gia Lai	9,67	9,17	Đạt	
148	BKCB8922	Thái Nguyễn Phương	Vy	17/04/2004	Long An	7,33	6,83	Đạt	
149	BKCB8923	Vương Thị Như	Ý	30/07/2004	Tây Ninh	9,67	8,67	Đạt	
150	BKCB8924	Bùi Chánh	Yên	21/02/1991	Thành phố Đà Nẵng	7,33	6,0	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh: 150

Số thí sinh đạt: 138

Số lượng hiện diện: 139

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam